



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Lô 4-6-8, Đường 1A, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo, TP.HCM, Việt Nam

ĐT: (028) 3754.1889 – 3754.1812

Fax: (028) 3754.1808 – 3754.1891

Email: aptco@apt.com.vn

Web: www.apt.com.vn

Số: *45*/CV – THS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

V/v Công bố thông tin trên công thông tin điện tử của Sở Giao dịch CK Hà Nội Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025.

CÔNG TY CỔ
PHẦN KINH
DOANH THỦY
HẢI SẢN SÀI GÒN

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH THỦY
HẢI SẢN SÀI GÒN
Date: 2026.03.31
19:47:27 +07'00'

Kính gửi:

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.**

Mã Chứng khoán: **APT.**

Trụ sở chính: Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84-28-37541802 Fax: 84-28-37541808.

Người thực hiện Công bố thông tin: **BÀ ĐỖ NGỌC ANH**

Điện thoại: 84-28-37541802 Fax: 84-28-37541808.

Di động: 0907396004

Loại Thông tin công bố: Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên (để công bố TT);
- HĐQT/BKS Công ty (để báo cáo);
- Lưu: VT, TK-Công ty.

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



ĐỖ NGỌC ANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07 - 44
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300523755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba (13) ngày 08 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025
Bà Đỗ Ngọc Nga	Thành viên	
Bà Mạc Bùi Nhã Uyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đỗ Ngọc Nga	Tổng Giám đốc
Ông Mai Minh Vương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Minh Bảo	Trưởng ban
Bà Nguyễn Ngọc Mai Trinh	Thành viên
Bà Lê Thị Thủy Trang	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Bà Đỗ Ngọc Nga - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Ngọc Nga

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 280325.10/BCTC.HCM ngày 28/03/2025 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến các vấn đề về khả năng hoạt động liên tục của Công ty, các khoản nợ phải thu và phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh số liệu sổ sách kế toán theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp. Những vấn đề này chưa được khắc phục dẫn đến việc chúng tôi tiếp tục đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính năm 2025, cụ thể như sau:

- Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận khoản lỗ lũy kế là 2.708,75 tỷ VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 2.618,92 tỷ VND, lỗ lũy kế hiện tại đã gấp 30,78 lần so với vốn điều lệ (88 tỷ VND). Nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với mức chênh lệch 2.658,39 tỷ VND, tổng nợ phải trả của Công ty là 2.814,06 tỷ VND, cao gấp 31,99 lần vốn điều lệ. Tổng nợ quá hạn thanh toán lên đến 2.789,85 tỷ VND (*thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 18 và số 19 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính*), trong đó khoản nợ ngân hàng (gốc và lãi) quá hạn là 2.749,01 tỷ VND, các khoản nợ khác quá hạn là 40,84 tỷ VND. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

- Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ các thư xác nhận về các số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2025 và 31/12/2024, cũng như chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi cũng như xác định số tổn thất (nếu có) của các khoản phải thu này với tổng giá trị tại các thời điểm cùng là 110,14 tỷ VND. Chi tiết số dư các khoản mục như sau:

	Mã số	31/12/2025	31/12/2024
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	71.504.310.746	71.504.310.746
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.650.000.000	5.650.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	32.981.001.543	32.981.001.543

- Ngoài ra, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ các thư xác nhận về số dư các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 và tại ngày 31/12/2024 với tổng giá trị lần lượt là 2.790,24 tỷ VND và 1.624,29 tỷ VND. Chúng tôi không thể đánh giá được tính đầy đủ, chính xác của các khoản công nợ phải trả này cũng như các nghĩa vụ nợ khác có liên quan (nếu có) phát sinh từ các khoản phải trả này. Chi tiết số dư các khoản mục như sau:

	Mã số	31/12/2025	31/12/2024
		VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	389.925.937	389.925.937
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.795.564.721.890	1.029.762.001.740
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	994.282.400.000	594.138.600.000

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn vẫn chưa được điều chỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần của Công ty TNHH Kinh doanh Thủy hải sản (nay là Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn) do Kiểm toán Nhà nước khu vực VIII lập ngày 26/05/2020 và Công văn số 145/KV VIII-TH ngày 30/06/2022 của Kiểm toán Nhà nước khu vực VIII. Đồng thời, Báo cáo quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm cổ phần hoá vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Ngoài các vấn đề nêu trên, Công ty hiện đang bị các đối tác nộp đơn kiện tại Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án Nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh):

- Ngày 28/04/2022, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) đã có Đơn khởi kiện Công ty liên quan đến vụ việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và yêu cầu buộc Công ty chi trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/02/2022 là 1.426.084.451.921 VND và lãi tiếp tục được tính trên mức lãi suất nợ quá hạn (thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 35 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Tính đến thời điểm hiện tại, khoản nợ gốc vay bằng vàng và vay bằng tiền vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) đã quá hạn thanh toán, Công ty vẫn chưa ghi nhận và chưa tính lãi quá hạn đối với các khoản nợ gốc vay đã quá hạn thanh toán này (thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 01 và Thuyết minh số 19 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính).
- Ngày 26/05/2025, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên đã có Đơn khởi kiện liên quan đến vụ việc "Tranh chấp hợp đồng vay vốn kinh doanh" và yêu cầu Công ty hoàn trả toàn bộ số tiền 24.799.354.131 VND, đây là số tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ năm 2008 đến năm 2012 liên quan đến 05 Hợp đồng hỗ trợ vốn kinh doanh (thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 35 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính).

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán theo quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" trong Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty và phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 36 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, tại đó đang trình bày các thông tin chi tiết liên quan đến việc Công ty không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo các quy định hiện hành.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Lê Khánh Tùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5935-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		151.920.536.669	108.266.617.526
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	12.643.653.447	32.749.870.027
111	1. Tiền		12.643.653.447	32.749.870.027
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	67.267.401.222	18.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		29.441.292.257	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.223.891.035)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		39.050.000.000	18.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.259.115.271	19.063.633.813
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	81.127.261.530	86.461.869.130
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	5.795.481.438	5.650.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	34.442.981.610	38.062.373.990
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(111.106.609.307)	(111.110.609.307)
140	IV. Hàng tồn kho	09	53.915.750.386	32.058.438.600
141	1. Hàng tồn kho		53.915.750.386	32.580.262.627
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(521.824.027)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.834.616.343	6.394.675.086
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		5.492.368.746	6.332.231.331
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2.342.247.597	62.443.755
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		43.216.269.765	67.647.622.385
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		324.471.893	324.471.893
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	324.471.893	324.471.893
220	II. Tài sản cố định		27.235.644.754	32.740.617.185
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	27.235.644.754	32.740.617.185
222	- Nguyên giá		134.458.238.166	135.139.342.508
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(107.222.593.412)	(102.398.725.323)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		365.560.000	365.560.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(365.560.000)	(365.560.000)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	04	-	20.000.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	20.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		15.656.153.118	14.582.533.307
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	15.656.153.118	14.582.533.307
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		195.136.806.434	175.914.239.911

372
 TY
 IAN
 IS
 01
 5C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.814.056.049.804	1.642.039.359.458
310	I. Nợ ngắn hạn		2.810.306.323.078	1.639.461.110.462
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.685.794.096	2.291.876.956
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.569.560.551	2.564.842.489
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	61.380.550	11.113.016
314	4. Phải trả người lao động		6.657.891.024	4.067.973.874
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	7.199.213.805	3.836.450.704
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	286.726.278	842.546.898
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.797.546.611.730	1.031.690.961.481
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	994.282.400.000	594.138.600.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		16.745.044	16.745.044
330	II. Nợ dài hạn		3.749.726.726	2.578.248.996
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	3.749.726.726	2.578.248.996
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(2.618.919.243.370)	(1.466.125.119.547)
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	(2.618.919.243.370)	(1.466.125.119.547)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		88.000.000.000	88.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		88.000.000.000	88.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.831.822.301	1.831.822.301
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.708.751.065.671)	(1.555.956.941.848)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(1.555.956.941.848)	(1.354.547.439.223)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(1.152.794.123.823)	(201.409.502.625)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		195.136.806.434	175.914.239.911



Đoàn Thị Thu Hà
 Người lập

Đoàn Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng

Đỗ Ngọc Nga
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	267.915.228.630	251.225.417.846
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	2.684.159.718	754.262.866
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		265.231.068.912	250.471.154.980
11	4. Giá vốn hàng bán	24	214.243.707.673	208.294.554.455
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		50.987.361.239	42.176.600.525
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	4.935.558.900	3.448.103.194
22	7. Chi phí tài chính	26	1.167.544.000.224	208.412.391.549
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		110.127.089.470	66.493.018.280
25	8. Chi phí bán hàng	27	24.475.885.065	23.572.570.636
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	16.467.523.235	15.007.290.776
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.152.564.488.385)	(201.367.549.242)
31	11. Thu nhập khác	29	7.902.864	407.839
32	12. Chi phí khác	30	596.495	42.361.222
40	13. Lợi nhuận khác		7.306.369	(41.953.383)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.152.557.182.016)	(201.409.502.625)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	236.941.807	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.152.794.123.823)	(201.409.502.625)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(130.999)	(22.887)

Đoàn Thị Thu Hà
Người lập

Đoàn Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Đỗ Ngọc Nga
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm	
			2025	2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		276.140.037.557	252.962.930.721
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(254.885.512.257)		(194.984.390.842)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(33.055.730.000)		(35.429.098.801)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(236.941.807)		-
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5.621.634.722		2.616.064.172
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(16.015.663.760)		(15.732.419.914)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(22.432.175.545)	9.433.085.336
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(504.000.000)		(4.391.162.963)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	759.090.909		-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(102.550.000.000)		(57.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	81.500.000.000		69.100.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	21.230.400.000		-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.828.966.012		1.854.220.349
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.264.456.921	9.563.057.386
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(20.167.718.624)	18.996.142.722
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.749.870.027	13.633.541.616
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61.502.044	120.185.689
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	12.643.653.447	32.749.870.027

Đoàn Thị Thu Hà
Người lập

Đoàn Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Đỗ Ngọc Nga
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300523755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba (13) ngày 08 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 88.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 88.000.000.000 VND; tương đương 8.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 259 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 299 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh các sản phẩm từ thủy sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản;
- Ăn uống; Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến; Dịch vụ ăn uống;
- Cho thuê kho, bãi; Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu;
- Mua bán thủy hải sản; Mua bán thực phẩm; Công nghệ phẩm; Nông sản;
- Chế biến thủy hải sản; Chế biến nước mắm, nước chấm;
- Mua bán thủy hải sản, thực phẩm, nông sản.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận khoản lỗ lũy kế là 2.708,75 tỷ VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 2.618,92 tỷ VND, lỗ lũy kế hiện tại đã gấp 30,78 lần so với vốn điều lệ (88 tỷ VND). Nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với mức chênh lệch 2.658,39 tỷ VND, tổng nợ phải trả của Công ty là 2.814,06 tỷ VND, cao gấp 31,99 lần vốn điều lệ. Tổng nợ quá hạn thanh toán lên đến 2.789,85 tỷ VND, trong đó khoản nợ ngân hàng (gốc và lãi) quá hạn là 2.749,01 tỷ VND, các khoản nợ khác quá hạn là 40,84 tỷ VND.

Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng các phương án nhằm đảm bảo nguồn thu từ kế hoạch sản xuất kinh doanh và dòng tiền ổn định để đáp ứng nghĩa vụ tài chính. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty được lập và trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục là phù hợp.

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thực hiện đánh giá lại khoản nợ vay 5.833 lượng vàng SJC tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) theo giá niêm yết của ngân hàng cho vay. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm 2025 các khoản chi phí lãi vay cho toàn bộ khoản vay bằng vàng và tiền tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với tổng số tiền là 110,13 tỷ VND. Số lãi vay này được trích theo lãi suất ký kết trên các Hợp đồng tín dụng và các Phụ kiện Hợp đồng tín dụng có liên quan, Công ty vẫn chưa ghi nhận và chưa tính lãi quá hạn đối với các khoản nợ gốc vay bằng vàng và tiền đã quá hạn thanh toán này

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Chợ Lớn	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Bình Thới	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xí nghiệp thu mua cung ứng Nông Hải sản Xuất khẩu	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán Thủy Hải sản
Xí nghiệp Kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán Thủy Hải sản
Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ APT	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xưởng chế biến Hải sản	153 Lương Thế Vinh, Phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xưởng chiết rót nước mắm	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến nước mắm
Xưởng đông lạnh Hưng Thịnh	Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy Hải sản
Xí nghiệp Kinh doanh nuôi trồng Thủy sản Tiền Giang	Ấp Tân An, Xã Hiệp Đức, Tỉnh Đồng Tháp	Nuôi trồng thủy sản



2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 31 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm
- Các tài sản khác	04 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích của từng loại, nhưng tối đa không quá 03 năm, việc xác định thời gian sử dụng hữu ích theo đánh giá của bộ phận kỹ thuật Công ty, dựa trên hiện trạng và nhu cầu sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm đánh giá.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản vay bằng vàng của Công ty được đánh giá lại theo tỷ giá vàng niêm yết của ngân hàng cho vay tại ngày kết thúc năm tài chính.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí sửa chữa, chi phí xuất khẩu hàng hóa, chi phí điện, chi phí nước và các chi phí phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).



152.
NG
PH
DO
HÀ
G
H

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do đánh giá lại gốc vay vàng...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	240.309.000	97.651.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.403.344.447	32.652.219.027
	12.643.653.447	32.749.870.027

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	39.050.000.000	-	18.000.000.000	-
	39.050.000.000	-	18.000.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2025, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 05 tháng đến 06 tháng với tổng giá trị 39.050.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,5%/năm đến 7,7%/năm.

5 . PHẢI THU NGÂN HẠNG CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan				
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	439.509.783	-	709.552.441	-
- Công ty Cổ phần SomoFarm Cửu Long	438.370.333	-	709.171.741	-
	1.139.450	-	380.700	-
Bên khác				
- Công nợ phải thu phát sinh từ năm 2007 đến năm 2009	80.687.751.747	(72.475.607.764)	85.752.316.689	(72.479.607.764)
+ Công ty Cổ phần Bảo Vinh	71.504.310.746	(71.504.310.746)	71.504.310.746	(71.504.310.746)
+ Ông Hồ Hữu Trí	50.793.016.862	(50.793.016.862)	50.793.016.862	(50.793.016.862)
+ Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Chợ Lớn	7.659.225.191	(7.659.225.191)	7.659.225.191	(7.659.225.191)
+ Ông Hồ Văn Vàng	3.370.072.024	(3.370.072.024)	3.370.072.024	(3.370.072.024)
+ DNTN Thương mại Thủy sản Trung Nam	2.591.340.517	(2.591.340.517)	2.591.340.517	(2.591.340.517)
+ Các đối tượng khác	1.891.453.600	(1.891.453.600)	1.891.453.600	(1.891.453.600)
- Các khách hàng khác	5.199.202.552	(5.199.202.552)	5.199.202.552	(5.199.202.552)
	9.183.441.001	(971.297.018)	14.248.005.943	(975.297.018)
	81.127.261.530	(72.475.607.764)	86.461.869.130	(72.479.607.764)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công nợ ứng trước phát sinh từ năm 2007 đến năm 2009	5.650.000.000	(5.650.000.000)	5.650.000.000	(5.650.000.000)
- Trả trước cho người bán khác	145.481.438	-	-	-
	5.795.481.438	(5.650.000.000)	5.650.000.000	(5.650.000.000)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	693.405.898	-	315.526.027	-
Tạm ứng	45.000.000	-	4.455.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	103.078.428	-	43.078.428	-
Công nợ phải thu khác phát sinh từ năm 2007 đến năm 2009	32.981.001.543	(32.981.001.543)	32.981.001.543	(32.981.001.543)
Phải thu khác	620.495.741	-	267.767.992	-
	<u>34.442.981.610</u>	<u>(32.981.001.543)</u>	<u>38.062.373.990</u>	<u>(32.981.001.543)</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	324.471.893	-	324.471.893	-
	<u>324.471.893</u>	<u>-</u>	<u>324.471.893</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	276.425.099	-	238.288.110	-
	<u>276.425.099</u>	<u>-</u>	<u>238.288.110</u>	<u>-</u>

8 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu của khách hàng	72.560.046.894	84.439.130	72.831.296.214	351.688.450
- Công ty Cổ phần Bảo Vinh	50.793.016.862	-	50.793.016.862	-
- Ông Hồ Hữu Trì	7.659.225.191	-	7.659.225.191	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chợ Lớn	3.370.072.024	-	3.370.072.024	-
- Ông Hồ Văn Vàng	2.591.340.517	-	2.591.340.517	-
- Các đối tượng khác	8.146.392.300	84.439.130	8.417.641.620	351.688.450
Trả trước cho người bán	5.650.000.000	-	5.650.000.000	-
- Ông Trần Văn Lợi	2.900.000.000	-	2.900.000.000	-
- Ông Bùi Văn Tùng	2.300.000.000	-	2.300.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Việt Long	450.000.000	-	450.000.000	-
Phải thu khác	32.981.001.543	-	32.981.001.543	-
- Ông Trương Văn Ruồng	7.845.270.151	-	7.845.270.151	-
- Ông Võ Lương Phương Trọng	7.485.233.856	-	7.485.233.856	-
- Ông Phan Trọng Hiệp	6.752.377.240	-	6.752.377.240	-
- Ông Trần Văn Út	2.549.673.775	-	2.549.673.775	-
- Các đối tượng khác	8.348.446.521	-	8.348.446.521	-
	111.191.048.437	84.439.130	111.462.297.757	351.688.450

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.718.659.042	-	3.720.391.540	(31.607.113)
Công cụ, dụng cụ	80.224.000	-	116.251.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.383.899.935	-	2.786.056.461	-
Thành phẩm	41.716.353.531	-	23.996.168.383	(490.216.914)
Hàng hoá	422.891.600	-	5.161.780	-
Hàng gửi đi bán	1.593.722.278	-	1.956.233.463	-
	53.915.750.386	-	32.580.262.627	(521.824.027)

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Lô 4-6-8 Đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	53.603.256.596	66.227.735.713	10.169.458.774	254.023.720	4.884.867.705	135.139.342.508
- Mua trong năm	-	504.000.000	-	-	-	504.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.185.104.342)	-	-	(1.185.104.342)
Số dư cuối năm	53.603.256.596	66.731.735.713	8.984.354.432	254.023.720	4.884.867.705	134.458.238.166
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	36.569.053.377	54.196.140.280	7.427.113.384	254.023.720	3.952.394.562	102.398.725.323
- Khấu hao trong năm	2.077.303.224	2.557.908.976	493.328.099	-	133.569.504	5.262.109.803
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(438.241.714)	-	-	(438.241.714)
Số dư cuối năm	38.646.356.601	56.754.049.256	7.482.199.769	254.023.720	4.085.964.066	107.222.593.412
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	17.034.203.219	12.031.595.433	2.742.345.390	-	932.473.143	32.740.617.185
Tại ngày cuối năm	14.956.899.995	9.977.686.457	1.502.154.663	-	798.903.639	27.235.644.754

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thể chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.125.020.624 VND;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 54.930.997.320 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại ngày 31/12/2025, tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 365.560.000 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo ⁽¹⁾	7.657.372.080	8.021.981.328
Tiền thuê quầy tại chợ Bình Điền chờ phân bổ ⁽²⁾	2.693.888.863	2.795.484.823
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	5.259.249.149	3.642.293.384
Chi phí trả trước dài hạn khác	45.643.026	122.773.772
	<u>15.656.153.118</u>	<u>14.582.533.307</u>

(1) Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Tân Tạo đã được Công ty trả trước một lần cho cả thời hạn thuê từ năm 2005 đến năm 2047 với tổng diện tích là 20.340 m². Khoản tiền thuê này được phân bổ trong thời gian 42 năm.

(2) Tiền thuê quầy tại chợ Bình Điền đã được Công ty trả trước một lần cho cả thời hạn thuê từ năm 2006 đến năm 2056. Khoản tiền thuê này được phân bổ trong thời gian 50 năm.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Bên khác</i>				
- Bùi Hữu Đức	653.760.000	653.760.000	-	-
- Phạm Thị Bích Nơ	420.864.000	420.864.000	-	-
- Huỳnh Thanh Dương	287.000.000	287.000.000	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất Bao bì nhựa Vĩnh Phát	244.669.680	244.669.680	393.739.920	393.739.920
- Phải trả người bán khác	1.079.500.416	1.079.500.416	1.898.137.036	1.898.137.036
	2.685.794.096	2.685.794.096	2.291.876.956	2.291.876.956

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	81.460.174	196.065.475	196.065.475	196.065.475
	81.460.174	196.065.475		
<i>Bên khác</i>				
- Asco Foods Limited	1.488.100.377	2.368.777.014	2.368.777.014	2.368.777.014
- Các khoản công nợ trước cổ phần hóa	369.389.677	1.504.555.886	1.504.555.886	1.504.555.886
- Công ty TNHH Fresco Foods	389.925.937	389.925.937	389.925.937	389.925.937
- Người mua trả tiền trước khác	171.526.787	171.526.787	171.526.787	171.526.787
	557.257.976	302.768.404	302.768.404	302.768.404
	1.569.560.551	2.564.842.489	2.564.842.489	2.564.842.489

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	13.951.927	-	-	-	-	-	13.951.927	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	10.656.154	-	-	-	-	-	10.656.154	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	37.835.674	-	-	236.941.807	236.941.807	-	37.835.674	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	11.113.016	-	428.920.516	378.652.982	-	-	-	-	61.380.550
Thuế Tài nguyên	-	-	-	10.214.040	10.214.040	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	4.281.009.828	6.560.813.670	-	2.279.803.842	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-	-	-	-
	62.443.755	11.113.016	4.966.086.191	7.195.622.499	7.195.622.499	2.342.247.597	61.380.550			

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
- Chi phí sửa chữa cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị	1.777.017.373	-	-	-
- Chi phí hội họp	1.027.000.000	806.800.000	806.800.000	-
- Chi phí điện	763.390.108	540.104.882	540.104.882	-
- Chi phí hoa hồng, vận chuyển, bốc xếp	590.218.061	-	-	-
- Chi phí xuất khẩu hàng hóa	556.212.187	611.358.987	611.358.987	-
- Chi phí chiết khấu trích trước	445.000.000	488.000.000	488.000.000	-
- Chi phí nước	73.964.740	47.999.313	47.999.313	-
- Chi phí phải trả khác	1.966.411.336	1.342.187.522	1.342.187.522	-
	7.199.213.805	3.836.450.704	3.836.450.704	

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	286.726.278	842.546.898
	<u>286.726.278</u>	<u>842.546.898</u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Phải trả về cổ phần hoá ⁽³⁾	11.267.612.814	11.267.612.814
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.106.519.489	1.349.275.581
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	90.148.900	90.148.900
- Phải trả lãi vay ⁽¹⁾	1.779.524.650.916	1.013.721.930.766
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên lãi vay vốn</i>	<i>24.799.354.131</i>	<i>24.799.354.131</i>
+ <i>Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay VND</i>	<i>196.674.533.345</i>	<i>184.142.866.675</i>
+ <i>Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay vàng</i>	<i>1.558.050.763.440</i>	<i>804.779.709.960</i>
- Phải trả về kinh phí ngành ⁽²⁾	600.778.835	600.778.835
- Phải trả về tài sản bán giao của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên ⁽²⁾	3.396.720.854	3.396.720.854
- Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Củi và sân cá 50 ⁽²⁾	240.931.000	240.931.000
- Phải trả tại Trung tâm kinh doanh thủy sản APT ⁽²⁾	208.594.004	208.594.004
- Trích nộp Quỹ phúc lợi cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên ⁽²⁾	81.697.182	81.697.182
- Kinh phí di dời ⁽²⁾	68.034.000	68.034.000
- Phải trả Công ty Thực phẩm Đông lạnh Xuất khẩu Sài Gòn ⁽²⁾	74.931.310	74.931.310
- Phải trả tại Cửa hàng Cầu Ông Lãnh ⁽²⁾	10.622.075	10.622.075
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	875.370.351	579.684.160
	<u>1.797.546.611.730</u>	<u>1.031.690.961.481</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.749.726.726	2.578.248.996
	<u>3.749.726.726</u>	<u>2.578.248.996</u>

11/3/2025
 H
 H
 T
 C
 C
 T
 A
 I
 C
 15/

18 PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO):

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Phải trả về cổ phần hoá ⁽¹⁾	11.267.612.814	11.267.612.814
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	90.148.900	90.148.900
- Phải trả lãi vay ⁽¹⁾	1.779.524.650.916	1.013.721.930.766
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên lãi vay vốn</i>	<i>24.799.354.131</i>	<i>24.799.354.131</i>
+ <i>Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay VND</i>	<i>196.674.533.345</i>	<i>184.142.866.675</i>
+ <i>Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi vay vàng</i>	<i>1.558.050.763.440</i>	<i>804.779.709.960</i>
- Phải trả về kinh phí ngành ⁽²⁾	600.778.835	600.778.835
- Phải trả về tài sản bán giao của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên ⁽²⁾	3.396.720.854	3.396.720.854
- Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Cùi và sân cá 50 ⁽²⁾	240.931.000	240.931.000
- Phải trả tại Trung tâm kinh doanh thủy sản APT ⁽²⁾	208.594.004	208.594.004
- Trích nộp Quỹ phúc lợi cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên ⁽²⁾	81.697.182	81.697.182
- Kinh phí di dời ⁽²⁾	68.034.000	68.034.000
- Phải trả Công ty Thực phẩm Đông lạnh Xuất khẩu Sài Gòn ⁽²⁾	74.931.310	74.931.310
- Phải trả tại Cửa hàng Cầu Ông Lãnh ⁽²⁾	10.622.075	10.622.075
	<u>1.795.564.721.890</u>	<u>1.029.762.001.740</u>
d) Lý do chưa thanh toán nợ quá hạn:		
(1) Khoản lãi vay liên quan tới khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (<i>trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam</i>) và Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên không có khả năng thanh toán (<i>xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35</i>).		
(2) Các khoản công nợ phải trả phát sinh ở giai đoạn Công ty Nhà nước trước khi cổ phần hóa đang chờ quyết toán.		
(3) Trong đó, bao gồm số tiền 11,178 tỷ VND liên quan đến nguồn vốn Sở Tài chính cấp cho Công ty để thực hiện Dự án Nhà máy Tân Tạo từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến sau thời điểm cổ phần hóa.		
e) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	28.277.772.167	28.277.772.167
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	107.019.489	107.019.489
	<u>28.384.791.656</u>	<u>28.384.791.656</u>

75/2025/CT

Y/NH SÀI GÒN CH

19 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025
	Giá trị VND		Tăng (*) VND	Giảm VND	Giá trị VND
Bên khác					
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam)	594.138.600.000		400.143.800.000	-	994.282.400.000
	594.138.600.000		400.143.800.000	-	994.282.400.000

(*) Khoản phát sinh tăng nợ gốc vay trong năm là do đánh giá lại khoản nợ vay vàng SJC.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa có đủ cơ sở để đánh giá số có khả năng trả nợ do Công ty đang trong quá trình tìm kiếm các giải pháp để thanh toán các khoản nợ nêu trên.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số dư tại ngày 31/12/2025 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 011/01/09 ngày 08/01/2009 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 011/PKHD.2009/CN-CL/SB ngày 22/05/2009, với các điều khoản chi tiết sau:
 - Số tiền cho vay: 103.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất khẩu (theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh);
 - Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
 - Lãi suất cho vay: 1%/tháng (tương ứng 12%/năm), lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay, cụ thể là 1,5%/tháng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 103.000.000.000 VND.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 009/01/09 ngày 08/01/2009 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 009/PKHD.2009/CN-CL/SB ngày 18/02/2009, với các điều khoản chi tiết sau:
 - Số vàng cho vay: 5.833 lượng vàng SJC, tương ứng với số tiền 103.010.780.000 VND (theo tỷ giá 17.660.000 VND/lượng SJC của ngày 08/01/2009);
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất khẩu (theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh);
 - Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
 - Lãi suất cho vay: 0,9%/tháng (tương ứng 10,8%/năm), lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay, cụ thể là 1,35%/tháng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 5.833 lượng vàng SJC, tương đương 891.282.400.000 VND.

Liên quan đến các khoản vay này, Công ty đã có công văn số 94/CV-THS ngày 20/06/2022 công bố thông tin theo quy định về việc là bị đơn trong vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (xem thêm **Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35**).

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp cầm cố, bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

19 VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO):

Số vay quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam)	994.282.400.000	1.754.725.296.785	594.138.600.000	988.922.576.635
	<u>994.282.400.000</u>	<u>1.754.725.296.785</u>	<u>594.138.600.000</u>	<u>988.922.576.635</u>

Lý do chưa thanh toán: Công ty không có khả năng thanh toán.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	1.831.822.301	(1.354.547.439.223)	(1.264.715.616.922)
Lỗ trong năm trước	-	-	(201.409.502.625)	(201.409.502.625)
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	1.831.822.301	(1.555.956.941.848)	(1.466.125.119.547)
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	1.831.822.301	(1.555.956.941.848)	(1.466.125.119.547)
Lỗ trong năm nay	-	-	(1.152.794.123.823)	(1.152.794.123.823)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	1.831.822.301	(2.708.751.065.671)	(2.618.919.243.370)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Somo Việt Nam	36.161.020.000	41,09	36.161.020.000	41,09
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	26.401.980.000	30,00	26.401.980.000	30,00
- Ông Tạ Bá Thuyết	2.000.000.000	2,27	2.000.000.000	2,27
- Các cổ đông khác	23.437.000.000	26,64	23.437.000.000	26,64
	88.000.000.000	100,00	88.000.000.000	100,00



c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	88.000.000.000	88.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	88.000.000.000	88.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	90.148.900	90.148.900
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	90.148.900	90.148.900

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.831.822.301	1.831.822.301
	<u>1.831.822.301</u>	<u>1.831.822.301</u>

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất hoặc được giao đất trả tiền sử dụng hàng năm theo quyết định số 5196/QĐ-UBND ngày 09/10/2005 tại Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng. Theo các hợp đồng và các quyết định giao đất này, Công ty trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước, chi tiết như sau:

Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Nội dung
Trại cá tại Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh	25.211,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 157 Hưng Phú, Phường Hưng Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	7.800,80	Đất thuê hiện đang trong quy hoạch dự án công viên cây xanh.
Số 49 Ông Ích Khiêm, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh	1.492,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 153 Lương Thế Vinh, Phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	671,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 117 Nghĩa Thục, Phường An Đông, Thành phố Hồ Chí Minh	401,10	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 469 Bạch Đằng, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh	322,90	Đất thuê trả tiền hàng năm.

<u>Địa chỉ</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Nội dung</u>
Số 321 - 323 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	299,90	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 107/14 Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh	293,20	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 109 Nguyễn Thái Sơn, Phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh	196,10	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 1103 - 1105 Trần Hưng Đạo, Phường An Đông, Thành phố Hồ Chí Minh	193,50	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 48 - 50 Lê Văn Linh, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh	159,70	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 202 - 204 Hàn Hải Nguyên, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh	147,00	Đất thuê đến năm 2058 và trả tiền thuê đất hàng năm.
Số 78 - 80 Nghĩa Thục, Phường An Đông, Thành phố Hồ Chí Minh	134,50	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 42 Trưng Nữ Vương, Phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh	89,30	Đất thuê đến năm 2058 và trả tiền thuê đất hàng năm.
Số 100 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	75,20	Đất thuê đến năm 2058 và trả tiền thuê đất hàng năm.
b) Ngoại tệ các loại		
	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	350.997,59	779.949,06
c) Nợ khó đòi đã xử lý		
	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
- Ông Trần Văn Tạo	383.646.000	383.646.000
- Công ty Thái Sơn - Chi nhánh Nga	653.763.334	653.763.334
- Bà Lê Thị Minh Hiếu	208.756.990	208.756.990
	<u>1.246.166.324</u>	<u>1.246.166.324</u>
22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	17.936.007.759	12.330.630.443
Doanh thu bán thành phẩm	189.606.383.062	182.581.204.731
Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.372.837.809	56.313.582.672
	<u>267.915.228.630</u>	<u>251.225.417.846</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38)	<u>3.712.575.516</u>	<u>4.701.889.124</u>
23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	2.684.159.718	754.262.866
	<u>2.684.159.718</u>	<u>754.262.866</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hòa đã bán	12.523.494.533	7.455.186.860
Giá vốn của thành phẩm đã bán	164.520.053.769	160.576.950.690
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	37.721.983.398	39.856.255.429
Chi phí/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(521.824.027)	406.161.476
	214.243.707.673	208.294.554.455
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	121.351.634	821.039.580
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38)</i>		

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.206.845.883	1.686.449.980
Lãi bán các khoản đầu tư tài chính	1.230.400.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.436.810.973	1.694.715.457
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	61.502.044	66.937.757
	4.935.558.900	3.448.103.194

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	110.127.089.470	66.493.018.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	327.898.076	314.665.429
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.055.819.430.680	141.604.707.840
+ Lỗ CLTG do đánh giá lại số dư gốc và lãi vay vàng cuối năm	1.055.819.430.680	141.604.707.840
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.223.891.035	-
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	45.690.963	-
	1.167.544.000.224	208.412.391.549

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	680.922.388	1.113.235.165
Chi phí nhân công	5.560.847.831	5.407.821.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	479.400.277	425.362.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.440.729.791	13.975.726.586
Chi phí khác bằng tiền	3.313.984.778	2.650.425.023
	24.475.885.065	23.572.570.636
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan		
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38)</i>	974.513.281	251.725.278

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.936.034	4.308.074
Chi phí nhân công	9.915.050.484	8.394.233.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	791.125.175	941.186.206
Chi phí/hoàn nhập dự phòng	(4.000.000)	635.896.928
Thuế, phí, và lệ phí	9.000.000	9.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	380.417.216	407.115.738
Chi phí khác bằng tiền	5.365.994.326	4.615.549.845
	16.467.523.235	15.007.290.776
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38)</i>	174.538.889	29.405.007

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	7.228.281	-
Thu nhập từ xử lý các khoản công nợ	664.449	400.759
Thu nhập khác	10.134	7.080
	7.902.864	407.839

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	107.494	30.751.351
Chi phí xử lý nợ	9.669	11.609.871
Chi phí khác	479.332	-
	596.495	42.361.222

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(1.153.741.891.053)	(201.409.502.625)
Các khoản điều chỉnh tăng	107.945.716.566	64.862.691.407
- Chi phí không hợp lệ	25.472.979	56.123.107
- Chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ⁽¹⁾	107.920.243.587	64.806.568.300
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(1.045.796.174.487)	(136.546.811.218)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN (phải thu)/phải nộp đầu năm	(37.835.674)	(37.835.674)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN (phải thu)/phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	(37.835.674)	(37.835.674)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng vốn		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động chuyển nhượng vốn	1.184.709.037	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	1.184.709.037	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	236.941.807	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của hoạt động chuyển nhượng vốn	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng vốn	(236.941.807)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động chuyển nhượng vốn	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	236.941.807	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(37.835.674)	(37.835.674)

(1) Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP của Chính phủ, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Số chi phí lãi vay thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA theo quy định hiện hành ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA không được trừ các năm	Chi phí lãi vay không được trừ đã sử dụng	Chi phí lãi vay không được trừ còn được chuyển sang các năm tính thuế sau
		VND	VND	VND
2023	Chưa thanh tra	57.633.252.634	-	57.633.252.634
2024	Chưa thanh tra	64.806.568.300	-	64.806.568.300
2025	Chưa thanh tra	107.920.243.587	-	107.920.243.587

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty được kết chuyển các khoản chi phí lãi vay không được trừ này sang các năm tiếp theo là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán năm nay.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 05 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của Cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính.

Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Lỗ tính thuế	Lỗ tính thuế đã sử dụng	Lỗ tính thuế còn được chuyển sang các năm sau
		VND	VND	VND
2021	Chưa thanh tra	(138.711.298.066)	-	(138.711.298.066)
2022	Chưa thanh tra	(140.994.923.540)	-	(140.994.923.540)
2023	Chưa thanh tra	(78.321.614.990)	-	(78.321.614.990)
2024	Chưa thanh tra	(136.546.811.218)	-	(136.546.811.218)
2025	Chưa thanh tra	(1.045.796.174.487)	-	(1.045.796.174.487)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng này là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán năm nay.

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(1.152.794.123.823)	(201.409.502.625)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.152.794.123.823)	(201.409.502.625)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.800.000	8.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(130.999)	(22.887)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	161.415.377.761	138.291.196.038
Chi phí nhân công	45.506.300.569	41.491.265.928
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.262.109.803	4.988.415.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.772.896.277	40.056.938.729
Chi phí khác bằng tiền	10.184.278.494	10.476.538.402
	264.140.962.904	235.304.354.590

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, tỷ giá vàng và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Đầu tư ngắn hạn	32.070.805.400	-	-	32.070.805.400
	<u>32.070.805.400</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>32.070.805.400</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về tỷ giá vàng:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá vàng khi có các giao dịch được thực hiện bằng vàng là vay.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.403.344.447	-	-	12.403.344.447
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.113.633.833	324.471.893	-	10.438.105.726
Các khoản cho vay	39.050.000.000	-	-	39.050.000.000
	<u>61.566.978.280</u>	<u>324.471.893</u>	<u>-</u>	<u>61.891.450.173</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.652.219.027	-	-	32.652.219.027
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.063.633.813	324.471.893	-	19.388.105.706
Các khoản cho vay	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
	<u>69.715.852.840</u>	<u>324.471.893</u>	<u>-</u>	<u>70.040.324.733</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	994.282.400.000	-	-	994.282.400.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.800.232.405.826	3.749.726.726	-	1.803.982.132.552
Chi phí phải trả	7.199.213.805	-	-	7.199.213.805
	<u>2.801.714.019.631</u>	<u>3.749.726.726</u>	<u>-</u>	<u>2.805.463.746.357</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	594.138.600.000	-	-	594.138.600.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.033.982.838.437	2.578.248.996	-	1.036.561.087.433
Chi phí phải trả	3.836.450.704	-	-	3.836.450.704
	<u>1.631.957.889.141</u>	<u>2.578.248.996</u>	<u>-</u>	<u>1.634.536.138.137</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . THÔNG TIN KHÁC

Thông tin chi tiết liên quan đến việc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) kiện Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng:

Ngày 28/04/2022, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) đã có Đơn khởi kiện liên quan đến vụ việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn gửi Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án Nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 19/05/2022, Tòa án Nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo số 37/2022/TB-TLVA, thông báo đã thụ lý vụ án dân sự số 37/2022/TLST-KDTM về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/02/2022 là 1.426.084.451.921 VND và lãi tiếp tục được tính trên mức lãi suất nợ quá hạn theo Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, thỏa thuận sửa đổi bổ sung đã ký kết cho đến khi Công ty Cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn trả dứt nợ. Trong trường hợp Công ty Cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn không thanh toán nợ đúng hạn theo phán quyết của Tòa án, đề nghị phát mãi toàn bộ tài sản đảm bảo để thi hành án thu hồi nợ cho Sacombank, trường hợp sau khi phát mãi các tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì Công ty Cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu.

Ngày 14/06/2022, Tòa án Nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh đã có Giấy triệu tập đương sự để triệu tập Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn để giải quyết vụ án. Đến thời điểm hiện tại, các bên liên quan vẫn đang tiến hành thương thảo hòa giải để xử lý vụ kiện này, đồng thời Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) vẫn đang tiếp tục thực hiện bán đấu giá khoản nợ của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

Thông tin chi tiết liên quan đến việc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên kiện Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn về việc tranh chấp hợp đồng vay vốn kinh doanh:

Ngày 26/05/2025, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên đã có Đơn khởi kiện liên quan đến vụ việc tranh chấp hợp đồng vay vốn kinh doanh với Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn gửi Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án Nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 20/06/2025, Tòa án Nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo số 72/TB-TLVA, thông báo đã thụ lý vụ án dân sự số 72/2025/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng vay vốn kinh doanh".

Theo đơn khởi kiện của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên yêu cầu Công ty Cổ phần kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hoàn trả toàn bộ số tiền 24.799.354.131 VND, đây là số tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ năm 2008 đến năm 2012 liên quan đến 05 Hợp đồng hỗ trợ vốn kinh doanh bao gồm các Hợp đồng số 02/TCT-TCKT ngày 13/01/2005, Hợp đồng số 99/TCT-TCKT ngày 20/6/2005, Hợp đồng số 96/TCT-TCKT ngày 22/6/2005, Hợp đồng số 156/TCT-TCKT ngày 20/10/2005 và Hợp đồng số 143/TCT-TCKT ngày 15/10/2007.

Ngày 07/07/2025, Tòa án Nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 137.1/TB-TA để Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Giấy triệu tập đương sự để triệu tập Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn. Đến thời điểm hiện tại, các bên liên quan vẫn đang tiến hành thương thảo hòa giải để xử lý vụ kiện này.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết liên quan đến việc Công ty không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng:

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 07/NQ-HDQT/2026 ngày 15/01/2026, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết nghị chấp thuận thông qua Tờ trình số 190/TT-THS về việc đề xuất liên quan đến hủy tư cách đại chúng.

Ngày 15/01/2026, Công ty đã có Công văn số 15/CV-THS gửi Ban Giám sát công ty đại chúng - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để thông báo về việc không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng từ ngày 01/01/2026. Nội dung Công văn có trình bày:

Theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 32, Luật Chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15 có quy định về công ty đại chúng là công ty cổ phần: "a) Công ty có vốn điều lệ đã góp từ 30 tỷ đồng trở lên, có vốn chủ sở hữu từ 30 tỷ đồng trở lên và có tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải cổ đông lớn nắm giữ."

Đối chiếu với các điều kiện nêu trên, hiện tại Công ty chỉ có: Vốn điều lệ là: 88.000.000.000 VND, Vốn chủ sở hữu tính đến ngày 31/12/2024 là: -1.466.125.119.547 VND (theo Báo cáo tài chính năm 2024 phát hành ngày 28/03/2025).

Như vậy, Công ty không còn đáp ứng đủ điều kiện là công ty đại chúng theo quy định hiện hành. Do đó, để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và tạo thuận lợi trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, Công ty xin thông báo về việc không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để tái cấu trúc Công ty trong thời gian tới. Nếu trong thời gian tới Công ty vẫn không đáp ứng các điều kiện công ty đại chúng, Công ty sẽ gửi hồ sơ hủy tư cách đại chúng đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước 01/01/2027 theo quy định.

Ngày 13/02/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") đã có Thông báo số 1372/UBCK-GSĐC gửi Công ty về việc hủy tư cách công ty đại chúng (APT). Theo đó, UBCKNN có ý kiến: vốn chủ sở hữu của Công ty đang được xác định tại thời điểm 31/12/2024 (theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024). Công ty cần rà soát việc đáp ứng điều kiện công ty đại chúng từ thời điểm 01/01/2026. Trường hợp vẫn không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng tại Điểm a, Khoản 1, Điều 32 Luật Chứng khoán năm 2019 được sửa đổi bởi Điểm a, Khoản 11, Điều 1, Luật số 56/2024/QH15 thì Công ty thuộc diện xem xét hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định tại Khoản 1, Điều 13, Thông tư số 19/2025/TT-BTC. Theo đó, Công ty có trách nhiệm gửi UBCKNN văn bản thông báo kèm báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8, Thông tư số 19/2025/TT-BTC và tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 8, Thông tư số 19/2025/TT-BTC.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thủy sản. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Doanh thu xuất khẩu	Doanh thu nội địa	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	169.320.944.812	95.910.124.100	265.231.068.912
Tài sản bộ phận	124.573.446.725	70.563.359.709	195.136.806.434
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	504.000.000

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Somo Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần SomoFarm Cửu Long	Cùng tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Chi nhánh của Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.712.575.516	4.701.889.124
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Somo Việt Nam	-	42.019.378
- Công ty Cổ phần SomoFarm Cửu Long	62.027.230	10.576.977
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	3.650.548.286	4.649.292.769
Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	121.351.634	821.039.580
- Công ty Cổ phần SomoFarm Cửu Long	115.519.634	79.545.500
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	5.832.000	741.494.080
Chi phí bán hàng	974.513.281	251.725.278
- Công ty Cổ phần SomoFarm Cửu Long	227.702.700	251.725.278
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	746.810.581	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	174.538.889	29.405.007
- Công ty Cổ phần SomoFarm Cửu Long	174.538.889	29.405.007

	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		1.391.244.000	1.934.316.000
- Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/04/2025)	116.160.000	639.290.000
- Bà Đỗ Ngọc Nga	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	744.649.000	724.508.000
- Ông Mai Minh Vương	Phó Tổng Giám đốc	530.435.000	570.518.000
- Các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không phát sinh thu nhập và thù lao tại Công ty.			

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có sổ dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Đoàn Thị Thu Hà
Người lập

Đoàn Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Đỗ Ngọc Nga
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

